TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/KDTM-ST
Ngày: 06- 06 -2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Nguyễn Đình Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên*.

Ngày 06 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 128/2022/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2022 ‘’Tranh hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2023/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 04 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2023/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần thương mại và đầu tư V
Địa chỉ: đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh T1
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Mỹ H – sinh năm 1998 (Có mặt)
Địa chỉ: đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Văn bản ủy quyền: số 08/UQ-KK ngày 10/08/2022.

Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư L
Địa chỉ: đường Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật : Ông Trần Thanh T2 (Vắng mặt)
Địa chỉ: đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/08/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại và đầu tư V(Gọi tắt Công ty V) do bà Huỳnh Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23/10/2017 Công ty V và Công ty cổ phần đầu tư L (Gọi tắt Công ty L) có ký hợp đồng vay tài sản. Công ty L vay số tiền 1.200.000.000đồng. Thời hạn vay là 12 tháng (Tính từ ngày 24/10/2017 đến ngày 23/10/2018). Lãi suất cho vay là 14,7%/năm. Công ty L không thế chấp tài sản gì. Phương thức thanh toán là trả tiền lãi và tiền gốc hàng tháng với số tiền cụ thể: Tiền gốc 100.000.000đồng và tiền lãi là 14.700.000đồng.

Ngày 23/11/2017 Công ty V đã giải ngân số tiền trên cho Công ty L.

Ngày 08/12/2017 Công ty L có thanh toán cho Công ty V số tiền là 120.936.625 đồng, tiền lãi tháng 11-12/2017 là 14.700.000đồng.

Ngày 08/01/2018 Công ty L thanh toán số tiền lãi tháng 12/2017 và tháng 01/2018 là 14.018.889 đồng.

Sau đó Công ty L ngừng thanh toán nợ cho Công ty V đến nay. Mặc dù Công ty V nhiều lần có văn bản nhắc nợ nhưng Công ty L vẫn chưa thực hiện.

Hiện Công ty L còn nợ Công ty V số tiền gốc là 1.079.063.375 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty L cung cấp cho Tòa án gồm bảng chi tiết công nợ phải thu đối với Công ty V năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020, các Hóa đơn giá trị gia tăng. Các tài liệu này do Công ty L lập, không có xác nhận của Công ty V, nên Công ty V cho rằng không có giá trị chứng minh và không liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản này.

Giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty V với Công ty L; giao dịch vay tiền giữa Công ty L với Công ty V là hai quan hệ độc lập nhau không có liên quan. Việc vay tiền giữa hai bên có lập hợp đồng, Công ty V có chuyển khoản số tiền 1.200.000.000đồng cho Công ty L, điều này Công ty L có thừa nhận. Nội dung chuyển khoản có ghi chuyển tiền theo hợp đồng ngày 23/10/2017. Đối với việc thanh toán tiền hàng hóa giữa hai bên, Công ty V luôn ghi nội dung "thanh toán tiền hàng" được thể hiện trong nội dung sao kê tài khoản ngân hàng. Phía Công ty L cho rằng có trao đổi bằng lời nói với kế toán của Công ty V thanh toán tiền vay bằng cách bù trừ công nợ mua bán hàng hóa giữa hai bên là không có căn cứ. Ngoài ra chứng từ Công ty L cung cấp cho Tòa án thể hiện không có nội dung nào ghi thanh toán trả tiền cho khoản vay mà Công ty L nợ Công ty V. Mặt khác kế toán của Công ty V cũng không có thẩm quyền quyết định vấn đề này. Công ty L đưa ra những tài liệu này và để kéo dài không thanh toán tiền vay cho Công ty V là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V.

Công ty L còn nợ số tiền gốc là 1.079.063.375 đồng và ngừng thanh toán tháng 02/2018 . Nay Công ty V yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền còn thiếu, cụ thể:

Nợ gốc: 1.079.063.375 đồng;

Nợ lãi: 845.985.686 đồng

Tổng cộng 1.925.049.061 đồng

Nợ lãi này tạm tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/06/2023, với mức lãi suất 14.7%/năm là 64 tháng.

Công ty V yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần đầu tư L (Gọi tắt Công ty L) do ông Trần Thanh T2 là người đại diện theo pháp luật có lời khai thể hiện:

Tháng 11/2017 Công ty L và Công ty V có ký hợp đồng vay tiền và nhận chuyển khoản từ Công ty V số tiền là 1.200.000.000đồng với lãi suất là 14.7%/năm tương đương 176.400.000đồng/năm. Thời hạn vay là một năm. Sau đó Công ty L có thỏa thuận với kế toán của Công ty V rằng việc thanh toán số tiền vay trên bằng cách bù trừ công nợ mua bán hàng hóa giữa hai bên. Nội dung thanh toán Công ty L không ghi thanh toán chuyển trả cho khoản vay tài sản.

Đến nay hai bên vẫn chưa đối chiếu công nợ, nên số nợ mà Công ty V yêu cầu Công ty L phải trả là 1.079.063.375 đồng là chưa rõ ràng và không khớp với số nợ của Công ty L phải thanh toán.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty L, Công ty L yêu cầu Công ty V xác định chính xác công nợ còn tồn đọng giữa hai bên.

Do đó đề nghị Tòa án thu thập sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả của các năm 2017, năm 2018. Năm 2019, năm 2020, năm 2021, năm 2022 giữa Công ty V và Công ty L để xác định chính xác số tiền Công ty L còn nợ Công ty V.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Đại diện của Công ty V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty L do ông Trần Thanh T2 đại diện theo pháp luật nhưng Công ty L vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V về việc buộc Công ty L thanh toán nợ vay còn thiếu, xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tọa lạc tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị Hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty V khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty L phải thanh toán tiền nợ vay và tiền lãi, cụ thể :

Nợ gốc: 1.079.063.375 đồng;

Nợ lãi: 845.985.686 đồng;

Tổng cộng 1.925.049.061 đồng.

Nợ lãi này tạm tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/06/2023 (64 tháng), với mức lãi suất 14.7%/năm.

Công ty V yêu cầu thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty L không đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền trên và yêu cầu hai bên nên đối chiếu công nợ mà Công ty L cấn trừ tiền mua hàng hóa của Công ty V vào tiền nợ vay của Công ty L.

Xét thấy , hai bên có xác lập giao dịch vay tiền và xác nhận số tiền vay. Tuy nhiên Công ty L cho rằng đã thanh toán tiền vay bằng cách cấn trừ công nợ thông qua số tiền mà Công ty V mua hàng hóa còn nợ Công ty L. Tuy nhiên Công ty L không xuất trình được tài liệu chứng cứ về cấn trừ tiền mua hàng hóa. Mặt khác, lời trình bày của Công ty L không được phía Công ty V thừa nhận.

Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty V về việc buộc Công ty L phải trả ngay số tiền còn thiếu cùng với tiền lãi do chậm thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/10/2017, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn Công ty L có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận T nên Toà án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt: Công ty L do ông Trần Thanh T2 đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự .

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, nguyên đơn Công ty V yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền cụ thể:

Nợ gốc: 1.079.063.375 đồng;

Nợ lãi: 845.985.686 đồng (1.079.063.375 đồng x 14,7%/năm x 64 tháng)

Tổng cộng: 1.925.049.061 đồng

Nợ lãi này tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/06/2023.

Bị đơn Công ty L không đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền trên và đề nghị Công ty V phải đối chiếu công nợ của năm 2017, năm 2018. năm 2019, năm 2020, năm 2021, năm 2022 để làm rõ số tiền Công ty L đã thanh toán cấn trừ công nợ tiền mua hàng hóa của Công ty V vào số tiền vay mà Công ty L còn nợ Công ty V.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/10/2017 giữa Công ty V và Công ty L, xác định hai bên có xác lập quan hệ vay tiền, thời

hạn vay 12 tháng. Hết thời hạn thanh toán, Công ty L vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Công ty V. Mặt khác, Công ty L cho rằng việc thanh toán số tiền vay bằng hình thức cấn trừ tiền công nợ mua hàng vào công nợ vay tiền của Công ty L với Công ty V. Tuy nhiên Công ty L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra lời trình bày của Công ty L không được phía Công ty V thừa nhận và cho rằng giao dịch vay tiền và giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai công ty là hoàn toàn độc lập không liên quan gì đến nhau. Do đó lời trình bày của Công ty L không có cơ sở để xem xét. Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Công ty V là có cơ sở để chấp nhận.

Nếu Công ty L có tài liệu, chứng cứ chứng minh hai bên có giao dịch mua bán hàng hóa và chưa giải quyết xong công nợ, thì được quyền khởi kiện trong vụ án khi các bên có yêu cầu.

Xét, Công ty V yêu cầu Công ty L phải thanh toán tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ vay còn thiếu, mức tính lãi suất là 14.7%/năm, cụ thể :

Tiền nợ lãi là: 845.985.686 đồng (1.079.063.375 đồng x 14,7% x 64 tháng), tiền lãi tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/6/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã nhận định ở trên Công ty L có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay cho Công ty V. Mức lãi suất này do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn Công ty V là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]Về thời hạn thanh toán: Công ty V yêu cầu Công ty L thanh toán một lần số tiền 1.925.049.061 đồng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng. Ngày 23/10/2018, Công ty L phải thanh toán dứt khoản nợ vay cho Công ty V. Tuy nhiên đến nay Công ty L vẫn chưa thanh toán tiền nợ gốc và tiền nợ lãi còn thiếu là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V. Căn cứ Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của Công ty V là có cơ sở để chấp nhận.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của Công ty V được chấp nhận nên Công ty L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thanh toán là 1.925.049.061 đồng = 36.000.000đồng x 3%(1.125.049.061 đồng) = 69.751.500đồng.

Hoàn lại số tiền 32.817.992đồng tạm nộp án phí cho Công ty V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại và đầu tư V.

2.Buộc Công ty cổ phần đầu tư L phải thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại và đầu tư V số tiền cụ thể:

Tiền nợ gốc: 1.079.063.375 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Tiền nợ lãi: 845.985.686 đồng (Tám trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi sáu đống), tiền lãi tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 06/6/2023) .

Tổng cộng số tiền là: 1.925.049.061 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi chín ngàn không trăm sáu mốt đồng).

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty cổ phần thương mại và đầu tư V có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần đầu tư L chưa thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 69.751.500 (Sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi mốt ngàn năm trăm đồng) Công ty cổ phần đầu tư L chịu.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần thương mại và đầu tư V số tiền 32.817.992đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm mười bảy ngàn chín trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0036564 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận : **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.T ;
- Chi cục THA DS Q.T ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương